

# HIỆU LỰC CỦA QUYỀN HIẾN ĐỊNH TRONG LUẬT TƯ BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ XU HƯỚNG TIẾP NHẬN Ở TRUNG QUỐC

**NGUYỄN MINH TÂM \***

**Tóm tắt:** Ở Trung Quốc, bắt đầu từ vụ án Tề Ngọc Linh (Qì YuLing/齐玉苓) năm 2001, các nghiên cứu về hiệu lực của quyền hiến định trong quan hệ luật tư dần được quan tâm và thúc đẩy. Hiệu lực này còn được gọi là hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba (基本权利第三人效力) hoặc hiệu lực theo chiều ngang (hiệu lực ngang hàng/水平效力), xuất hiện đầu tiên ở nước Đức và dần phổ biến ở châu Âu cũng như các khu vực khác trên thế giới. Bài viết này bước đầu phân tích các quan điểm về hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư trên thế giới qua lăng kính của giới học thuật Trung Quốc, xu hướng tiếp nhận và thực tiễn tư pháp ở Trung Quốc. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra gợi mở về triển vọng nghiên cứu về mối quan hệ giữa Hiến pháp và luật tư ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Hiến pháp hoá luật tư; hiệu lực ngang hàng; quyền hiến định; Trung Quốc

Nhận bài: 16/11/2024

Hoàn thành biên tập: 27/01/2025

Duyệt đăng: 27/01/2025

THE EFFECT OF CONSTITUTIONAL RIGHTS IN PRIVATE LAW IN THE WORLD AND RECENT DEVELOPMENTS IN CHINA

**Abstract:** In China, starting with the Qi Yuling case in 2001, research on the effect of constitutional rights in private law has progressively gained attention and been promoted. This effect, also known as the effect of fundamental rights on third parties or horizontal effect, first emerged in Germany and gradually spread across Europe and other regions worldwide. This article initially analyses various perspectives on the effect of constitutional rights in private law in the world through the views of Chinese academic discourse, as well as the trends in reception and judicial practices in China. On that basis, the article proposes some potentials for further research on the relationship between the Constitution and private law in Vietnam.

**Keywords:** Constitutionalism of private law; horizontal effect; constitutional rights; China

Received: 16 November 2024; Editing completed: 27 January 2025; Accepted for publication: 27 January 2025

## 1. Đặt vấn đề

Ở Trung Quốc, bắt đầu từ thời điểm “cải cách mở cửa” (gaige kaifang/改革开放) năm 1978, chính xác hơn là sau khi ban hành bản Hiến pháp hiện hành (Hiến pháp năm 1982, đã được sửa đổi, bổ sung năm lần), hiến pháp luôn được coi là văn bản có giá trị pháp

lí cao nhất trong hệ thống pháp luật quốc gia<sup>1</sup>. Tuy nhiên, Hiến pháp không được áp dụng trực tiếp trong quá trình tố tụng tư pháp, trong khi chế độ tài phán hiến pháp (constitutional judicial review) chưa thực sự

<sup>1</sup> Lời mở đầu Hiến pháp năm 1982 quy định: “Hiến pháp này... là luật cơ bản của quốc gia, có hiệu lực pháp luật cao nhất”. Constitue (2024), *Constitution of the PRC of 1982*, [https://www.constituteproject.org/constitution/China\\_2004](https://www.constituteproject.org/constitution/China_2004), truy cập 14/12/2024.

\* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội  
E-mail: mxintam@vnu.edu.vn

hình thành ở Trung Quốc<sup>2</sup>.

Năm 2001, trong vụ án Tề Ngọc Linh<sup>3</sup>, phán quyết chung thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tỉnh Sơn Đông đứng về phía nguyên đơn, mà trước đó nhận được “phúc đáp” ủng hộ của Tòa án nhân dân tối cao, đã trực tiếp viện dẫn quy định trong Hiến pháp về quyền được giáo dục để xử lí tranh chấp dân sự<sup>4</sup>. Phán quyết này thường được coi là khởi nguồn của những thảo luận về mối quan hệ giữa quyền hiến định (quyền cơ bản/基本权利)<sup>5</sup> và luật tư, tư pháp hoá hiến pháp (宪法

司法化) trong giới luật học Trung Quốc. Năm 2008, Tòa án nhân dân tối cao bãi bỏ “phúc đáp” nêu trên, vấn đề tư pháp hoá hiến pháp (liệu toà án có thể trực tiếp áp dụng các điều khoản của hiến pháp trong vụ án) dần bị bỏ qua. Trong khi đó, nghiên cứu về vấn đề hiến pháp hoá luật tư (tức liệu hiến pháp với thuộc tính là luật công có thể áp dụng trong lĩnh vực luật tư) tiếp tục được thúc đẩy nhờ luật học so sánh<sup>6</sup>. Các tài liệu luật so sánh từ các nước Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản và những lí thuyết đặc trưng gắn với mỗi truyền thống thông luật và dân luật là nguồn tham khảo quan trọng cho các thảo luận ở Trung Quốc.

## **2. Bối cảnh thế giới: Các quan điểm về hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư**

Trong truyền thống dân luật, cách phân loại pháp luật phổ biến là giữa luật công và luật tư<sup>7</sup>, trong đó luật tư điều chỉnh mối quan hệ theo chiều ngang giữa tư nhân với nhau, còn luật công điều chỉnh mối quan hệ theo chiều dọc giữa nhà nước và tư nhân. Hiến pháp - đạo luật theo quan điểm truyền thống chủ yếu áp dụng cho nhà nước nhằm bảo vệ các quyền và tự do cá nhân trước những hành vi can thiệp tùy tiện của nhà nước,

<sup>2</sup> Hiến pháp năm 1982 trao quyền giải thích Hiến pháp và luật cho Ủy ban Thường vụ nhân đại - cơ quan lập pháp và mang tính chính trị. Ngoài ra, trong lần sửa đổi năm 2018, Hiến pháp năm 1982 đã đổi tên Ủy ban Pháp luật (chuyên trách) của Nhân Đại thành Ủy ban Hiến pháp và Pháp luật, với vai trò kiểm tra và tư vấn về sự phù hợp với Hiến pháp của các dự luật trước khi chúng được thông qua. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nhiều dữ liệu nghiên cứu về vai trò “kiểm hiến trước” của Ủy ban này.

<sup>3</sup> 最高人民法院 (2001), “最高人民法院关于以侵犯姓名权的手段侵犯宪法保护的公民受教育的基本权利是否应承担民事责任的批复”, 最高人民法院公报, 第 5 期 [Tòa án nhân dân tối cao (2001), “Phúc đáp của Tòa án nhân dân tối cao về việc sử dụng thủ đoạn xâm phạm quyền danh tính xâm phạm quyền cơ bản về giáo dục của công dân được Hiến pháp bảo vệ có phải chịu trách nhiệm nhân sự hay không”, *Công báo Tòa án nhân dân tối cao*, số 5], <http://gongbao.court.gov.cn/Details/635e70e2ab2f5969810116dbdff1f1.html>, truy cập 14/12/2024.

<sup>4</sup> 宋春雨 (2001), “齐玉苓案宪法适用的法理思考”, 人民法院学报, 第 8 期 [Tống Xuân Vũ (2001), Tư duy pháp lí về việc áp dụng Hiến pháp trong vụ án Tề Ngọc Linh, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 8], tr. 1 - 3.

<sup>5</sup> Trong bài viết này, các thuật ngữ “quyền hiến định” (constitutional rights) và “quyền cơ bản” (fundamental rights) được dùng thay thế cho nhau.

Các thuật ngữ “hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba”, “hiệu lực đối với bên thứ ba” và “hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư” được dùng thay thế cho nhau.

<sup>6</sup> 奚若晨, 张翔 (2023), “基本权利与私法” 在中国”, 人权, 第 1 期 [Hê Nhã Thần, Trương Tường (2023), Quyền cơ bản và luật tư ở Trung Quốc, *Nhân quyền*, số 1], tr. 101.

<sup>7</sup> John Henry Merryman, Rogelio Pérez-Perdomo (2018), *The Civil Law Tradition: An Introduction to the Legal Systems of Europe and Latin America* (tái bản lần thứ 4), Nxb. Stanford University Press, Hoa Kỳ, tr. 94.

thường không được áp dụng hay viện dẫn trực tiếp trong các tranh chấp luật tư. Tuy nhiên, ngày nay trong xu hướng phát triển của khoa học pháp lí, các thiết chế tư pháp ở nhiều nền tài phán, khi xét xử các tranh chấp về luật tư đã lồng ghép nhận thức về quyền hiến định và áp dụng khi giải thích các quy phạm luật tư. Từ đó, đã xuất hiện nhiều nghiên cứu về thực tiễn này với các tên gọi như “hiệu lực theo chiều ngang của quyền cơ bản”, “hiến pháp hóa luật tư”<sup>8</sup>, hay “hiệu lực đối với bên thứ ba của quyền cơ bản”...

Cũng giống như ở nước Đức - nơi khởi nguồn của khái niệm về hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba (tư nhân), giới luật học Trung Quốc chia thành hai trường phái chính - phản đối và ủng hộ hiệu lực của quyền hiến định giữa các chủ thể luật tư. Trong đó, phái ủng hộ lại chia thành ủng hộ hiệu lực trực tiếp và ủng hộ hiệu lực gián tiếp.

*Thứ nhất*, quan điểm phản đối hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư

Một trong những lập luận phản đối dựa vào việc xem xét sự phát triển của chủ nghĩa lập hiến cận đại ở nước Pháp<sup>9</sup>. Sự xuất hiện của nhân quyền, theo quan điểm chính thống, gắn liền với chủ nghĩa tự do Anh-Mỹ và là công cụ chống lại sự chuyên chế của nhà nước (tức nhân quyền đối kháng với quyền

lực công)<sup>10</sup>. Quan niệm nhân quyền tự nhiên sau đó được tiếp nhận ở châu Âu, điển hình nhất là quan niệm được thể hiện trong Lời mở đầu Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền năm 1789 của nước Pháp, trong đó nêu rõ: “*Những đại diện của nhân dân Pháp tổ chức thành Quốc hội... đã quyết định long trọng thông qua bản Tuyên ngôn về các quyền tự nhiên không thể bị tước đoạt và thiêng liêng của con người*”; Điều 2 Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền năm 1789 có ghi: “*Mục đích của các tổ chức chính trị là gìn giữ các quyền tự nhiên và không thể bị tước bỏ của con người, các quyền này bao gồm quyền tự do, quyền sở hữu, quyền được bảo đảm an ninh và chống áp bức*”. Như vậy, nhân quyền là các quyền tự nhiên vượt ra ngoài pháp luật thực định và sự tồn tại của các tổ chức chính trị (nhà nước) là để bảo vệ quyền tự nhiên của con người<sup>11</sup>. Sau đó, Điều 4 Tuyên ngôn tiếp tục nêu rõ: “*Tự do bao gồm quyền có thể làm mọi điều không gây hại cho người khác. Như vậy, việc thực hành các quyền tự nhiên của mỗi người chỉ bị giới hạn trong việc bảo đảm cho các thành viên khác của xã hội có thể thực hiện các quyền tương tự, các giới hạn này chỉ có thể do luật xác định*” (Loi, tức luật do Quốc hội ban hành). Có thể thấy, nhân quyền không đặc biệt nhắm vào Nhà nước Pháp. Nói cách khác, nhân quyền có thể được yêu cầu đối với nhà nước hoặc bất kỳ ai và các xung đột nhân quyền giữa các thành viên trong xã hội được điều chỉnh bởi luật (Loi)<sup>12</sup>.

<sup>8</sup> Bùi Tiến Đạt, Đỗ Giang Nam (2024), “Hiệu lực của quyền hiến định trong lĩnh vực luật tư: xu thế nghiên cứu trên thế giới và triển vọng ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 1(421), tr. 4.

<sup>9</sup> 黄宇晓 (2018), “论宪法基本权利对第三人无效力”, *清华法学*, 第 3 期 [Hoàng Vũ Kiêu (2018), “Bản về quyền cơ bản của Hiến pháp không có hiệu lực đối với bên thứ ba”, *Luật học Thanh Hoa*, số 3], tr. 186 - 206.

<sup>10</sup> 黄宇晓 (2018), *tlđđ*, tr. 191 - 192.

<sup>11</sup> 黄宇晓 (2018), *tlđđ*, tr. 192.

<sup>12</sup> 黄宇晓 (2018), *tlđđ*, tr. 192.

Năm 1791, Quốc hội Lập hiến thông qua Hiến pháp thành văn đầu tiên của nước Pháp. Hiến pháp đã đưa toàn văn của Tuyên ngôn vào trước phần chính văn, sau đó Lời mở đầu tuyên bố: “*Quốc hội mong muốn xây dựng một bản hiến pháp dựa trên những nguyên tắc mà Quốc hội vừa xác nhận và công bố*”. Ở phần đầu của Phần I. Các điều khoản cơ bản được bảo vệ bởi hiến pháp nêu rõ: “*Hiến pháp bảo vệ các quyền tự nhiên và quyền công dân*” sau đây và liệt kê các quyền như tự do tư tưởng, tự do ngôn luận...<sup>13</sup>. Sau khi liệt kê các quyền hiến định, Hiến pháp quy định: “*Cơ quan lập pháp không được ban hành bất kì luật nào xâm phạm hoặc cản trở việc thực hiện các quyền tự nhiên và quyền công dân được ghi nhận và bảo vệ trong Phần này của Hiến pháp. Tuy nhiên, việc thực hiện các quyền tự do không được làm tổn hại đến quyền của người khác và an ninh công cộng. Luật có thể thiết lập các biện pháp trừng phạt các hành vi gây hại đến an ninh công cộng hoặc quyền của người khác, và do đó gây hại cho xã hội*”. Cuối cùng, ở đoạn kết của Phần I, Hiến pháp quy định: “*Xây dựng một bộ luật dân sự áp dụng cho toàn vương quốc*”<sup>14</sup>. Như vậy, ở thời kì này, có thể thấy, quyền hiến định đã trở thành quyền phòng thủ đặc biệt đối với Nhà nước Pháp (cơ quan lập pháp).

Qua so sánh cấu trúc của Tuyên ngôn và Hiến pháp, có thể rút ra sự khác biệt và mối

liên hệ giữa nhân quyền tự nhiên và quyền hiến định trong luật học hiến pháp ở nước Pháp như sau<sup>15</sup>: nhân quyền là ý niệm giá trị cao cả vượt lên trên pháp luật thực định, không đặc biệt nhắm vào nhà nước mà là cơ sở giá trị của toàn bộ hệ thống pháp luật mà có thể được yêu cầu đối với bất kì ai, có nghĩa là nhân quyền có thể là sự yêu cầu đối với nhà nước phải tôn trọng, bảo vệ hoặc cũng có thể là sự yêu cầu đối với các thành viên khác của xã hội phải tôn trọng quyền của người khác khi thụ hưởng quyền của mình. Tuy nhiên, ý niệm nhân quyền tự nhiên không có ý nghĩa thực tiễn. Để bảo vệ các quyền tự nhiên của người dân, cần phải thành lập nhà nước thông qua xây dựng hiến pháp (thiết lập các quy trình chính trị, quy trình thực thi quyền lực công). Hiến pháp trước tiên yêu cầu nhà nước không xâm phạm vào một số quyền tự do của người dân - hình thành nên quyền hiến định. Tiếp theo đó, hiến pháp yêu cầu nhà nước sử dụng pháp luật để điều chỉnh các xung đột về quyền tự do giữa các công dân (luật dân sự), giữa công dân và lợi ích công cộng (luật hình sự), giữa công dân và quyền hành chính (luật hành chính). Như vậy, quyền hiến định chỉ là một phần của nhân quyền ở thời điểm hiến pháp được thiết lập, phản ánh mối quan hệ giữa cá nhân và nhà nước (chủ yếu là cơ quan lập pháp). Các phần còn lại của nhân quyền cần phải được khai phá và hiện thực hoá thông qua quy trình chính trị dân chủ và quy trình lập pháp (theo hiến pháp) của nhà nước<sup>16</sup> và khi phản ánh vào pháp luật, chúng

<sup>13</sup> 黄宇晓 (2018), tldd, tr. 193; National Assembly (1971), *The French Constitution of 1791 (National Assembly)*, <https://wp.stu.ca/worldhistory/wp-content/uploads/sites/4/2015/07/French-Constitution-of-1791.pdf>, truy cập 14/12/2024.

<sup>14</sup> 黄宇晓 (2018), tldd, tr. 193.

<sup>15</sup> 黄宇晓 (2018), tldd, tr. 193.

<sup>16</sup> Hiến pháp, với tính chất là luật về trình tự, đóng vai trò như một “hướng dẫn” giúp Nhà nước chuyển

chuyển hoá thành các quyền luật định/quyền pháp lí (legal rights), trong đó quyền dân sự trong luật dân sự có bản chất là quyền thực chứng, được thiết lập giữa các cá nhân với nhau. Quyền hiến định và quyền dân sự (luật định) không đối lập hay can thiệp vào nhau mà cùng thống nhất trong một ý niệm nhân quyền rộng lớn, vượt ra ngoài phạm vi của pháp luật thực định<sup>17</sup>. Ở đây có nghĩa rằng quyền hiến định điều chỉnh mối quan hệ giữa nhà nước và cá nhân (theo chiều dọc - luật công), còn quyền dân sự điều chỉnh mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân (theo chiều ngang - luật tư) và theo quan điểm truyền thống trong dân luật, hai lĩnh vực này không can thiệp vào nhau, luật tư có sự tự trị nhất định. Do đó, lịch sử của chủ nghĩa lập hiến hiện đại cho thấy nhân quyền tự nhiên là “giá trị khách quan” vượt ra ngoài phạm vi của pháp luật thực định và đóng vai trò là

nền tảng của toàn bộ hệ thống pháp luật. Các quyền cơ bản được quy định trong hiến pháp (quyền hiến định) thực chất là sự chuyển hoá của các quyền đạo đức mang tính lí tưởng, phản ánh mối quan hệ giữa cá nhân và nhà nước. Do đó, các quyền hiến định không có hiệu lực trực tiếp đối với quan hệ giữa các cá nhân trong lĩnh vực luật tư. Các xung đột về quyền giữa các cá nhân chủ yếu được điều chỉnh bởi luật dân sự. Hiến pháp không phải là “luật mẹ” các giá trị của luật thực định mà chỉ là quy trình chuyển hoá các giá trị nhân quyền thành luật thực định<sup>18</sup>.

Một lập luận phản đối khác dựa vào lí thuyết hành vi của nhà nước (state action doctrine/国家行为说) của Hoa Kỳ nhưng lại không rõ ràng. Lí thuyết này tôn trọng ranh giới giữa luật công và luật tư, cho rằng các quyền cơ bản chỉ ràng buộc nhà nước và không có hiệu lực đối với các cá nhân<sup>19</sup>. Tuy nhiên, thực tiễn tư pháp cho thấy, yếu tố “hành vi của nhà nước” đã liên tục được sử dụng để xem các hành vi tư nhân tương tự như các hành vi của nhà nước phải chịu sự ràng buộc của các quyền cơ bản<sup>20</sup>. Ví dụ như trong vụ án *Shelley v. Kraemer*, toà án cho rằng các thoả thuận được kí kết bởi chủ sở hữu da trắng là vô hiệu do vi phạm điều khoản bình đẳng theo hiến pháp, lí do là sự thực thi thoả thuận tư nhân phải dựa vào quyền lực tư pháp của nhà nước. Do đó, thoả thuận tư nhân

---

hoá ý niệm nhân quyền trừu tượng thành pháp luật cụ thể. Quy trình này bao gồm: thành lập chính phủ, quy định cách thức vận hành bộ máy nhà nước, xác định chính sách cơ bản của quốc gia, và yêu cầu xây dựng pháp luật để bảo đảm các quyền tự nhiên của công dân. Trong quy trình này, hiến pháp đặt ra các “lưu ý” thông qua các quyền tiêu cực (yêu cầu Nhà nước hạn chế can thiệp), quyền tích cực (yêu cầu Nhà nước cung cấp các điều kiện tối thiểu), và nghĩa vụ cơ bản của công dân (trách nhiệm đối với Nhà nước khi được hưởng sự bảo vệ pháp lý) (xem: 黄宇骁 (2018), tldd, tr. 196 - 197).

<sup>17</sup> 黄宇骁 (2018), tldd, tr. 194. Ở Trung Quốc, Bộ luật Dân sự năm 2020 được xây dựng theo quy trình lập pháp của Hiến pháp, nhưng không có nghĩa mọi quy định của Hiến pháp đều là cơ sở trực tiếp để xây dựng các quy phạm trong luật dân sự. Hai loại quy phạm luật hiến pháp và luật dân sự có đối tượng điều chỉnh riêng, không thể áp dụng thay thế nhau mà phần nào được thể hiện trong *Quy tắc soạn thảo phán quyết dân sự* được Toà án nhân dân tối cao ban hành năm 2016.

<sup>18</sup> 黄宇骁 (2018), tldd, tr. 205.

<sup>19</sup> 奚若晨, 张翔 (2023), tldd, tr. 96.

<sup>20</sup> 杨登杰 (2022), “基本权利私人间效力: 直接还是间接?”, 中外法学, 第 2 期 [Duong Đăng Kiệt (2022), “Hiệu lực của quyền cơ bản giữa các cá nhân: trực tiếp hay gián tiếp?”, *Tạp chí Luật học Đại học Bắc Kinh*, số 2], tr. 298 - 299.

không có bất kì nền tảng quyền lực nhà nước nào cũng có thể bị xem là thuộc lĩnh vực của hành vi nhà nước<sup>21</sup>. Lí thuyết hành vi nhà nước cho rằng hiến pháp chỉ áp dụng trong các quan hệ pháp luật mà một bên là nhà nước (quyền lực công). Hành vi nhà nước ở đây bao gồm hành vi của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong vụ việc này, thỏa thuận tư nhân được kí kết giữa cá nhân với cá nhân, không có yếu tố “hành vi nhà nước”. Tuy nhiên, toà án đã lập luận rằng ngay cả các “thỏa thuận tư nhân” cũng phải dựa vào quyền lực tư pháp để thực thi. Nghĩa là khi có tranh chấp, toà án sẽ là nơi xem xét tính hợp pháp của thỏa thuận và thậm chí quyết định của toà án cũng có thể bị kháng cáo lên toà án nhân dân tối cao để xem xét dưới góc độ hiến pháp (điều này đặc biệt phổ biến ở Đức). Do đó, toà án cho rằng thỏa thuận tư nhân cũng có thể bị coi là thuộc phạm vi của hành vi nhà nước. Như vậy, lí thuyết hành vi của nhà nước ban đầu cho rằng quyền cơ bản không có hiệu lực giữa các cá nhân nhưng kết quả cuối cùng lại trở thành công cụ để quyền cơ bản tác động đến quan hệ giữa các cá nhân<sup>22</sup>. Ở góc độ nào đó, cách tiếp cận này khá giống với lí thuyết nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước, nhấn mạnh vai trò trung gian của nhà nước trong mối quan hệ “cá nhân - nhà nước - cá nhân”<sup>23</sup>. Tuy nhiên, lí thuyết này cũng gây ra sự lo ngại khi các

hành vi của nhà nước như phiên toà dân sự cũng được coi là lí do để nhà nước can thiệp vào quan hệ luật tư. Điều này có thể tạo ra một cấu trúc nhị nguyên bất hợp lí: trong đời sống xã hội, quan hệ luật tư về cơ bản không chịu sự điều chỉnh của các quyền cơ bản, nhưng khi tranh chấp được đưa ra toà án, quyền cơ bản lại bắt đầu có ảnh hưởng<sup>24</sup>.

*Thứ hai*, quan điểm ủng hộ hiệu lực trực tiếp của quyền hiến định trong luật tư

Các quan điểm ủng hộ hiệu lực trực tiếp chủ yếu dựa trên hai lập luận: cơ sở quy phạm của hiệu lực trực tiếp và bản chất của hiệu lực gián tiếp<sup>25</sup>.

*Một là*, ở trên thế giới, các bản hiến pháp xuất hiện từ sau những năm 1970 bắt đầu quy định hiệu lực của quyền cơ bản giữa các cá nhân (như: các bản hiến pháp của Bồ Đào Nha, Angola, Mozambique, Nam Phi, Estonia, Bulgaria...) <sup>26</sup>. Chẳng hạn, Điều 18(1) Hiến pháp năm 1976 của Bồ Đào Nha quy định: “*Các quy định hiến pháp về các quyền, tự do và các bảo đảm phải được áp dụng trực tiếp và ràng buộc các cá nhân và tổ chức công và tư*”<sup>27</sup>. Quy định này là rõ ràng nhất trong hiến pháp của các quốc gia trên thế giới về hiệu lực của quyền cơ bản đối với cá nhân<sup>28</sup>. Trong khi đó, Điều 8(2) Hiến pháp năm 1996 của Nam Phi lại quy định khác kìn: “*Các quy định của Bộ luật (về quyền) ràng buộc thể nhân hoặc pháp nhân có liên quan, có tính*

<sup>21</sup> 李海平 (2022), “论基本权利私人间效力的范式转型”, 中国法学, 第 2 期 [Lí Hải Bình (2022), “Bàn luận về sự chuyển đổi phương thức của hiệu lực giữa các cá nhân của quyền cơ bản”, *Luật học Trung Quốc*, số 2], tr. 31.

<sup>22</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 299.

<sup>23</sup> 李海平 (2022), tldd, tr. 30.

<sup>24</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 299.

<sup>25</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 299.

<sup>26</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 37.

<sup>27</sup> Constitute (2024), *The Constitution of the Portuguese Republic 1976 (rev. 2005)*, [https://www.constitute.org/constitution/Portugal\\_2005](https://www.constitute.org/constitution/Portugal_2005), truy cập 14/12/2024.

<sup>28</sup> 李海平 (2022), tldd, tr. 37.

đến bản chất của quyền và của bất kì nghĩa vụ nào xuất phát từ quyền”<sup>29</sup>. Quy định này cung cấp căn cứ để cơ quan lập pháp và tòa án áp dụng hiệu lực của quyền cơ bản đối với cá nhân<sup>30</sup>. Điều 9(1) Hiến pháp năm 1978 của Tây Ban Nha quy định: “Công dân và quyền lực công bị ràng buộc bởi hiến pháp và tất cả các dự định pháp lí khác (legal provisions)”<sup>31</sup> và thực tiễn tư pháp đã công nhận hiệu lực trực tiếp của các quyền cơ bản giữa các cá nhân<sup>32</sup>. Ở phạm vi khu vực, trong phán quyết Egenberger năm 2018, Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) cũng đã công nhận rằng các quyền được bảo đảm bởi Hiến chương châu Âu về các quyền cơ bản có thể được yêu cầu trực tiếp giữa các cá nhân<sup>33</sup>.

Hai là, nhiều học giả đã chỉ ra, mặc dù Tòa án hiến pháp Liên bang Đức tự xác định mình (dù không rõ ràng) tuân theo hiệu lực gián tiếp của quyền cơ bản đối với bên thứ ba và phủ nhận hiệu lực trực tiếp theo nghĩa quyền chủ quan nhưng thực tế là Tòa án hiến pháp đã thừa nhận hiệu lực trực tiếp theo nghĩa pháp luật khách quan<sup>34</sup>. Chẳng hạn,

<sup>29</sup> Constitute (2024), *The Constitution of South Africa*, [https://www.constituteproject.org/constitution/South\\_Africa\\_2012](https://www.constituteproject.org/constitution/South_Africa_2012), truy cập 14/12/2024.

<sup>30</sup> 李海平 (2022), tldd, tr. 37.

<sup>31</sup> Constitute (2024), *The Constitution of Spain*, [https://www.constituteproject.org/constitution/Spain\\_2011](https://www.constituteproject.org/constitution/Spain_2011), truy cập 14/12/2024.

<sup>32</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 288.

<sup>33</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 288. Hiệu lực trực tiếp về mặt quyền lợi chủ quan cho phép cá nhân có thể dựa vào quy phạm hiến pháp để yêu cầu quyền lợi từ các chủ thể tư khác, mà không cần thông qua Nhà nước. Điều này có nghĩa là quyền cơ bản có hiệu lực trực tiếp trong quan hệ giữa các cá nhân.

<sup>34</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 288. Các quyền cơ bản tạo ra một trật tự giá trị khách quan ràng buộc toàn bộ hệ thống pháp luật. Khi luật thường không đủ khả

đổi với phán quyết của Tòa án hiến pháp liên quan đến xung đột giữa tự do ngôn luận và quyền danh dự, Böckenförde<sup>35</sup> bình luận: “Chỉ vì quyền cơ bản phát huy tác dụng thông qua Bộ luật Dân sự mà nói rằng không tồn tại hiệu lực trực tiếp đối với bên thứ ba, điều này... là không thể hiểu được”; ông cho rằng, về bản chất, quyền tự do ngôn luận của một bên chính là đã hạn chế phạm vi quyền của bên kia, khiến cho bên kia trở thành chủ thể nghĩa vụ của quyền cơ bản đó. Theo Böckenförde, “ở bất cứ nơi nào nguyên tắc hiệu lực hoặc hiệu lực lan tỏa của quyền cơ bản có thể đạt được, quyền cơ bản tự thân cung cấp căn cứ cho quyền lợi hoặc nghĩa vụ giữa các cá nhân, mở rộng hoặc hạn chế tự chủ của cá nhân”<sup>36</sup>.

Một số học giả Trung Quốc cũng cho rằng không có sự khác biệt giữa hiệu lực trực tiếp và hiệu lực gián tiếp theo kiểu Đức. Ví dụ, Trương Tường bình luận: “Lấy danh nghĩa áp dụng các điều khoản của Bộ luật Dân sự mà thực tế vận dụng các điều khoản của Hiến pháp giống như hành động che giấu, tự lừa dối, vì trong trường hợp này không có sự khác biệt căn bản nào với việc quyền cơ bản phát sinh ‘hiệu lực trực tiếp’”<sup>37</sup>. Lí Hải Bình cho rằng: “Trong tư duy pháp lí

năng điều chỉnh quan hệ luật tư, trật tự này trở thành cơ sở quy phạm xác định quyền và nghĩa vụ trong quan hệ luật tư.

<sup>35</sup> Ernst-Wolfgang Böckenförde là một học giả luật hiến pháp nổi tiếng của Đức và từng là thẩm phán của Tòa án hiến pháp Liên bang Đức từ năm 1983 đến 1996.

<sup>36</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 288.

<sup>37</sup> 张翔 (2003), “基本权利在私法上效力的展开——以当代中国为背景”, 中外法学, 第 5 期 [Trương Tường (2003), “Sự mở rộng hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư - lấy bối cảnh Trung Quốc đương đại”, *Luật học Đại học Bắc Kinh*, số 5], tr. 554.

về lí luận hiệu lực gián tiếp của quyền cơ bản, điều khoản tổng quát của Bộ luật Dân sự chỉ là “lớp áo ngoài”, danh tính thực sự của nó dưới lớp “vỏ bọc” này chính là các quyền cơ bản. Nói áp dụng gián tiếp chẳng thà nói áp dụng trực tiếp một cách biến tướng sẽ thực chất hơn”<sup>38</sup>. Ngô Canh, trong đánh giá vụ án Lüth đã bình luận: “Quyết định của Tòa án hiến pháp Liên bang Đức về tự do ngôn luận vượt trội hơn các quyền khác trong luật tư thực tế đã là (thực hiện) hiệu lực trực tiếp, nhưng Tòa án hiến pháp không muốn nói rõ mà thôi”<sup>39</sup>. Những phê bình trên có thể bị coi là phiến diện và quá mức nhưng chúng chứa đựng một phần sự thật quan trọng: miễn là quyền cơ bản không cần phải thông qua mối quan hệ cá nhân-nhà nước mà có thể áp dụng trực tiếp trong mối quan hệ cá nhân-cá nhân, giống như cách mà tòa án hiến pháp mô tả về việc các giá trị khách quan của quyền cơ bản lan toả đến các quan hệ luật tư thì các quyền cơ bản tự chúng cấu thành cơ sở cho các quyền và

nghĩa vụ giữa các cá nhân cũng như mở rộng hay hạn chế các quyền này<sup>40</sup>.

Thứ ba, quan điểm ủng hộ hiệu lực gián tiếp của quyền hiến định trong luật tư

Quan điểm ủng hộ hiệu lực gián tiếp lập luận dựa trên lí thuyết trật tự giá trị pháp luật khách quan và lí thuyết nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước<sup>41</sup>. Lí thuyết trật tự giá trị khách quan do Günter Dürig đề xuất và được Tòa án hiến pháp chấp nhận trong vụ án Lüth và dần trở thành quan điểm chủ đạo của giới học thuật nước Đức. Lí thuyết này cho rằng các quyền cơ bản không chỉ mang tính chất quyền chủ quan (subjektives Recht/主观权利) mà còn mang tính chất pháp luật khách quan, là trật tự giá trị khách quan (objektive Wertordnung/客观价值秩序) chung của toàn bộ hệ thống pháp luật<sup>42</sup>. Trật tự giá trị khách quan mà các quyền cơ bản thiết lập dựa trên sự tôn trọng nhân phẩm và phát triển nhân cách. Để tăng tính hiệu lực thực tế của các

<sup>38</sup> 李海平 (2016), “基本权利间接效力理论批判”, 当代法学, 第 4 期 [Lí Hải Bình (2016), “Phê phán lí luận hiệu lực gián tiếp của quyền cơ bản”, *Luật học đương đại*, số 4], tr. 49. Lí Hải Bình phê phán hiệu lực gián tiếp và ủng hộ hiệu lực trực tiếp, dựa trên cơ sở quan niệm “quyền lực xã hội” (社会权力). Ông cho rằng trong xã hội hiện đại, một số chủ thể tư nhân có ưu thế về chính trị, kinh tế, xã hội, thông tin... tạo ra quyền lực ảnh hưởng đến các chủ thể tư nhân khác. Khi đó, yếu tố “tự do quyết định” trong luật tư truyền thống không còn thực sự tồn tại, mà bên yếu thế bị xâm phạm quyền lợi do “tự do ý chí” mang tính ép buộc. Do đó, hành vi của chủ thể tư nhân có tính chất tương tự quyền lực công, và sự mất cân bằng này yêu cầu quyền cơ bản nên có hiệu lực trực tiếp trong quan hệ luật tư.

<sup>39</sup> 李海平 (2022), *tlđđ*, tr. 32.

<sup>40</sup> 杨登杰 (2022), *tlđđ*, tr. 289.

<sup>41</sup> Cả hai lí thuyết này khởi nguồn từ nước Đức và có cơ sở quy phạm trong Hiến pháp Weimar năm 1919 (Điều 118(1), 159) và Luật Cơ bản năm 1949 (Điều 1(1)-(3), 2(1), 9(3), 20(1), 28(1) - thiết lập nhà nước xã hội). Tòa án hiến pháp từng khẳng định nguyên tắc nhà nước xã hội giúp giải quyết sự bất bình đẳng giữa người với người và góp phần duy trì và bảo đảm nhân phẩm - giá trị cao nhất của hiến pháp. Do đó, sự liên kết điều khoản về nhân phẩm và nguyên tắc nhà nước xã hội có thể làm cơ sở quy phạm cho hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư (xem: 胡川宁 (2015), “德国社会国家原则及其对我国的启示”, 社会科学研究, 第 3 期 [Hồ Xuyên Ninh (2015), “Nguyên tắc nhà nước xã hội nước Đức và gợi mở đối với nước ta”, *Nghiên cứu khoa học xã hội*, số 3], tr. 98).

<sup>42</sup> Đây là một học giả luật học nổi tiếng của Đức, là người đề xuất lí thuyết trật tự giá trị khách quan trong một tác phẩm năm 1956. 黄宇骁 (2018), *tlđđ*, tr. 197.

quyền cơ bản, chúng phải có hiệu lực áp dụng trong tất cả các lĩnh vực pháp luật, đồng thời nhà nước cũng bị ràng buộc trong việc hình thành và định hình trật tự luật tư<sup>43</sup>. “Trật tự luật tư” nghĩa là “khuôn khổ luật tư” hay hệ thống các quy phạm luật tư. Tương tự như Điều 20 của Luật cơ bản hay Hiến pháp Đức nói về “trật tự hiến pháp”, tức khuôn khổ hiến pháp hay hệ thống các quy phạm hiến pháp theo Luật cơ bản. Theo Hứa Thụy Siêu, “*mọi quy phạm pháp luật đều không tồn tại độc lập, mọi quy phạm cụ thể đều là một phần của “toàn bộ trật tự pháp luật”. Nói cách khác, nó có mối liên hệ chặt chẽ bên trong và bên ngoài với các quy phạm pháp luật khác trong cùng một đạo luật hoặc các luật khác*”<sup>44</sup>.

Trong thực tiễn tư pháp, Tòa án hiến pháp khẳng định rằng tự trị luật tư và tự do

hợp đồng theo Điều 2 Luật cơ bản vẫn bị giới hạn bởi quyền lợi của người khác, trật tự giá trị hiến pháp,<sup>45</sup> quy định pháp luật cấm đoán và thuần phong mỹ tục. Các quy định trong Bộ luật Dân sự như Điều 134 (pháp luật cấm đoán), Điều 138 (thuần phong mỹ tục), Điều 823(1) (quyền lợi khác) và Điều 823(2) (pháp luật bảo vệ) cho thấy luật tư không tách biệt mà kết nối/gắn liền với toàn bộ hệ thống pháp luật. Những điều khoản trên là “cánh cửa” để quyền cơ bản phát huy hiệu lực trong luật tư thông qua ảnh hưởng chiếu xạ (hay hiệu lực lan tỏa). Hiệu lực này cho phép tòa án viện dẫn quy phạm hiến pháp để giải thích quy phạm luật tư, duy trì và bảo đảm trật tự pháp lý và bảo vệ quyền cơ bản trong quan hệ luật tư<sup>46</sup>.

Lí thuyết nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước phát triển từ lí thuyết giá trị pháp luật khách quan, cho rằng “*khi quyền cơ bản của công dân bị xâm phạm bởi các chủ thể luật tư (tư nhân), nhà nước có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp bảo vệ tích cực và hiệu quả*”<sup>47</sup>. Như vậy,

<sup>43</sup> 许瑞超 (2021), “基本权利第三人效力的范畴与本质”, 交大法学, 第 1 期 [Hứa Thụy Siêu (2021), “Phạm trù và bản chất của hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba”, *Luật học Đại học Giao thông Thượng Hải*, số 1], tr. 48. Căn cứ Điều 20(3) của Luật cơ bản, quyền lập pháp bị ràng buộc bởi Hiến pháp, và quyền tư pháp bị ràng buộc bởi pháp luật (Gesetz) và luật (Recht). Trong đó, Recht bao gồm các nguyên tắc mang ý nghĩa công lí tự nhiên và trật tự hiến định. Nhờ đó, thẩm phán có thể sử dụng Recht để lấp đầy khoảng trống pháp luật và phát triển pháp luật. Ví dụ, trong vụ Soraya, Tòa án hiến pháp chỉ ra rằng ngoài pháp luật thực định do nhà nước ban hành, còn có “luật” dựa trên trật tự hiến pháp, giúp bổ sung cho luật thực định. Nhiệm vụ của thẩm phán là phát hiện và cụ thể hóa các giá trị xã hội trong “luật” này (xem: 许瑞超 (2017), “德国基本权利第三人效力的整全性解读”, 苏州大学学报·法学版, 第 1 期 [Hứa Thụy Siêu (2017), “Giải thích toàn diện hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba ở nước Đức”, *Tạp chí Đại học Tô Châu (Luật học)*, số 1], tr. 83).

<sup>44</sup> 许瑞超 (2021), tldd, tr. 49.

<sup>45</sup> Điều 2(1) của Luật Cơ bản quy định mọi người đều có quyền tự do phát triển nhân cách, miễn là không vi phạm quyền của người khác, trật tự hiến pháp hoặc luân lí. “Trật tự hiến pháp” là khuôn khổ/hệ thống các quy phạm hiến pháp. Hiến pháp Weimar được đánh giá là dân chủ và tiến bộ, nhưng tồn tại lỗ hổng khiến Hitler lợi dụng để thiết lập chế độ phát xít. Do đó, Luật Cơ bản đã bổ sung nhiều cơ chế bảo vệ hiến pháp, bao gồm trừng phạt cá nhân hay đảng phái muốn xóa bỏ trật tự hiến pháp.

<sup>46</sup> 许瑞超 (2021), tldd, tr. 49. Chẳng hạn, A xuất bản một tác phẩm chứa thông tin sai lệch về B, thì khi bảo vệ quyền nhân thân của B theo luật dân sự, tòa án cũng xem xét bảo vệ quyền tự do ngôn luận của A theo luật hiến pháp. Điều này cho thấy tòa đã áp dụng “ảnh hưởng chiếu xạ” của quyền tự do ngôn luận vào luật dân sự.

<sup>47</sup> 黄宇骁 (2018), tldd, tr. 199.

quyền cơ bản không những có thể bị xâm phạm bởi Nhà nước mà còn bị đe dọa bởi các chủ thể tư nhân khác. Do đó, hiến pháp không chỉ nghiêm cấm nhà nước xâm phạm quyền cơ bản (chức năng quyền phòng vệ), mà còn yêu cầu nhà nước bảo vệ quyền cơ bản khỏi sự xâm phạm của người khác<sup>48</sup>. Tuy nhiên, nghĩa vụ bảo vệ không tự động phát sinh từ thuộc tính pháp lý khách quan của quyền cơ bản mà phải dựa trên từng trường hợp cụ thể. Khi xem xét phạm vi nghĩa vụ bảo vệ, toà án sẽ xem xét khả năng hình thành trật tự luật tư của quyền cơ bản, mức độ tổn hại hoặc nguy cơ xâm phạm quyền, khả năng tiếp cận quyền cơ bản trong trật tự luật tư, và xung đột quyền giữa các bên liên quan<sup>49</sup>.

### **3. Phương án bản địa: Sự tiếp nhận và diễn giải về hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư ở Trung Quốc**

Trong giới học thuật Trung Quốc, lí thuyết về hiệu lực gián tiếp của quyền hiến

định trong luật tư được ưa chuộng hơn vì lập trường trung hoà giữa hiệu lực trực tiếp và không có hiệu lực<sup>50</sup>. Hiện tại, đa số giới học thuật thừa nhận rằng lí thuyết trật tự giá trị pháp luật khách quan và lí thuyết nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước là cơ sở cho hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư<sup>51</sup> và được sử

<sup>48</sup> 黄宇骁 (2018), tldd, tr. 200. Nghĩa vụ bảo vệ quyền cơ bản xuất hiện lần đầu trong vụ Schwangerschaftsabbruch I, khi Toà án hiến pháp chỉ ra rằng sự sống của thai nhi có giá trị pháp lý độc lập và phải được Nhà nước bảo vệ, ngay cả trước sự xâm phạm của người mẹ. Trong vụ Blinkfüer, Toà mở rộng nghĩa vụ bảo vệ quyền cơ bản đối với toà án, cho rằng họ đã không cân nhắc đầy đủ quyền tự do biểu đạt theo Điều 5(1) Luật Cơ bản khi xem xét hành vi của Springer, dẫn đến Blinkfüer mất cơ hội giao tiếp bình đẳng với người khác. Trong vụ Schwangerschaftsabbruch II, Toà nhấn mạnh nhà nước phải bảo đảm mức bảo vệ tối thiểu cho thai nhi, không chỉ bằng cách không hành động tiêu cực mà còn thông qua các biện pháp tích cực bảo. Các quyền cơ bản thường ảnh hưởng trực tiếp đến luật tư, do đó, toà án dân sự không những không được phép vi phạm quyền cơ bản, mà còn phải bảo đảm chúng được thực hiện đầy đủ khi xét xử (xem: 许瑞超 (2017), tldd, tr. 83 - 84).

<sup>49</sup> 许瑞超 (2021), tldd, tr. 51 - 52.

<sup>50</sup> 杨登杰 (2022), tldd, tr. 286. Nghiên cứu về hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư ở Trung Quốc đã tiến hành khoảng 20 năm và có năm quan điểm chính: 1) Thuyết không hiệu lực: quyền cơ bản không áp dụng trong luật tư bởi cần bảo vệ sự tự chủ của luật tư, tính chất của quyền cơ bản và giới hạn chủ thể vi phạm hiến pháp; 2) Thuyết hiệu lực trực tiếp: hiến pháp có giá trị như luật, có thể trực tiếp làm căn cứ phán quyết khi luật chuyên ngành không có quy định; 3) Thuyết hiệu lực gián tiếp: hiến pháp không áp dụng trực tiếp trong luật tư mà thông qua các điều khoản tổng quát trong luật dân sự, tạo ra hiệu lực lan toà (hay chiếu xạ); 4) Thuyết áp dụng hỗn hợp: nên kết hợp những ưu điểm của cả ba thuyết thuyết trên để giải quyết vấn đề hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư; 5) Thuyết vấn đề giá: hiến pháp hoá luật tư là sự hiểu lầm về hiến pháp, không cần thảo luận thêm.

<sup>51</sup> 张翔 (2005), “基本权利的双重性质”, 法学研究, 第3期 [Trương Tường (2005), “Tính chất kép của quyền cơ bản”, *Nghiên cứu Luật học*, số 3], tr. 21 - 36; 郑贤君 (2006), “作为客观价值秩序的基本权——从德国法看基本权保障义务”, 法律科学·西北政法学院学报, 第2期 [Trịnh Hiền Quân (2006), “Quyền cơ bản với tư cách là giá trị trật tự khách quan - xem xét nghĩa vụ bảo vệ quyền cơ bản từ luật của nước Đức”, *Tạp chí Khoa học pháp luật*, số 2], tr. 35 - 45; 陈征 (2008), “基本权利的国家保护义务功能”, 法学研究, 第1期 [Trần Chinh (2008), “Chức năng nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước của quyền cơ bản”, *Nghiên cứu Luật học*, số 1], tr. 51 - 60; 龚向和, 刘耀辉 (2009), “论国家对基本权利的保护义务”, 政治与法律, 第5期 [Cung Hướng Hoà, Lưu Diệu Huy (2009), “Bản về nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước đối với quyền cơ bản”, *Chính trị và Pháp*

dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể trong các chuyên ngành luật<sup>52</sup>. Tuy nhiên, bởi lý thuyết hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư có nguồn gốc từ phương Tây (chủ yếu là nước Đức), giới học thuật đã cố gắng đưa ra những diễn giải mang tính bản địa hoá nhằm gắn lý thuyết với bối cảnh thực tiễn địa phương, như: chỉ ra Hiến pháp năm 1982 của Trung Quốc chứa đựng nhiều điều khoản ủng hộ hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba<sup>53</sup>, quyền cơ bản có thuộc tính kép và Hiến pháp là nền tảng chung của cả luật công và luật tư<sup>54</sup> hay chỉ ra mối liên hệ giữa quyền cơ bản trong Hiến pháp và quyền pháp lý trong Bộ luật Dân sự<sup>55</sup>... đồng thời đề xuất các phương án thực hiện hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư.

*Thứ nhất*, từ góc độ văn bản, Hiến pháp năm 1982 của Trung Quốc có nhiều nội

dung ủng hộ hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba. Cụ thể, Hiến pháp được coi là luật cơ bản có hiệu lực pháp lý cao nhất (Lời nói đầu). Như vậy, Hiến pháp đứng ở vị trí cao nhất trong hệ thống pháp luật quốc gia, có hiệu lực pháp lý cao nhất và các giá trị của Hiến pháp phải được áp dụng hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực, bao gồm luật tư. Tiếp theo, phần chính văn, tại Điều 5 Hiến pháp quy định: “*Tất cả pháp luật, pháp quy hành chính và pháp quy có tính địa phương đều không được mâu thuẫn với Hiến pháp*”<sup>56</sup>. Quy định này khẳng định rõ ưu thế của Hiến pháp, nghĩa là các luật thường phải tuân theo tiêu chuẩn giá trị của Hiến pháp, nếu không chúng sẽ mất hiệu lực. Điều 5 và Điều 53 Hiến pháp cũng quy định các chính đảng và đoàn thể xã hội, các doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp và công dân đều phải tuân thủ Hiến pháp. Ở Chương II Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân có một số quy định rõ ràng hoặc ngầm yêu cầu các tổ chức hoặc cá nhân không được xâm phạm tại Điều 36(2), Điều 38, Điều 40, Điều 48 và Điều 49(4).

Nếu đi sâu hơn vào nội dung hay lý thuyết của hiến pháp, Hiến pháp Trung Quốc không chỉ bảo vệ quyền tự do mà còn bảo vệ quyền xã hội, văn hoá và bao gồm các mục tiêu quốc gia, quy định chế độ nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của cá nhân và xã hội. Do đó, nội dung giá trị của quyền cơ bản trong Hiến pháp là tự do toàn diện và thực tế, theo đuổi sự cân bằng giữa cá nhân và tập thể, nhằm mục tiêu phát triển chung của cả cá nhân và tập thể. Hơn nữa, Hiến

---

luật, số 5], tr. 59 - 65; 赵宏 (2011), “主观权利与客观价值——基本权利在德国法中的两种面向”, 浙江社会科学, 第 3 期 [Triệu Hồng (2011), “Quyền lợi chủ quan và giá trị khách quan - hai mặt của quyền cơ bản trong luật nước Đức”, *Khoa học xã hội Chiết Giang*, số 3], tr. 38-46.

<sup>52</sup> 袁立 (2011), “作为基本权的劳动权国家保护义务”, 太平洋学报, 第 7 期 [Viên Lập (2011), “Nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước với quyền lao động như là quyền cơ bản”, *Tạp chí Thái Bình Dương*, số 7], tr. 10 - 19; 王锡铨 (2021), “个人信息国家保护义务及展开”, 中国法学, 第 1 期 [Vương Tích Tân (2021), “Nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước với thông tin cá nhân và sự triển khai”, *Luật học Trung Quốc*, số 1], tr. 145 - 166.

<sup>53</sup> 奚若晨, 张翔 (2023), *tlđđ*, tr. 97 - 98.

<sup>54</sup> 杨登杰 (2022), *tlđđ*, tr. 293 - 294.

<sup>55</sup> 奚若晨 (2023), “基本权利私法效力的界限”, 当代法学, 第 4 期 [Hè Nhã Thần (2023), “Giới hạn hiệu lực luật tư của quyền cơ bản”, *Luật học đương đại*, số 4], tr. 84 - 93.

---

<sup>56</sup> Quy định này được tái khẳng định trong Điều 87 của Luật Lập pháp.

pháp Trung Quốc lấy chủ nghĩa xã hội làm nguyên tắc cơ bản, nhấn mạnh tính toàn diện, thực tế và cân bằng của tự do, ủng hộ chiều kích xã hội của giá trị quyền cơ bản<sup>57</sup>. Cụ thể, quyền cơ bản không chỉ là quyền phòng thủ chống lại sự can thiệp của nhà nước mà còn yêu cầu nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ tích cực (trước nguy cơ và sự đe dọa từ xã hội) và tham gia vào việc hình thành quan hệ pháp lí giữa các cá nhân<sup>58</sup>.

*Thứ hai*, quyền cơ bản có thuộc tính kép luật công-luật tư, phản ánh sự tự do và bình đẳng ở hai chiều kích cá nhân-nhà nước (dọc) và cá nhân-cá nhân (ngang). Tuy chúng có sự phân chia nhưng hoà hợp và hỗ trợ lẫn nhau, đồng thời mỗi loại có lĩnh vực áp dụng và khuôn khổ hoạt động khác nhau. Cụ thể, khi xem xét quyền cơ bản trong giải thích luật tư, “nguyên tắc tỉ lệ hẹp” sẽ được sử dụng khi đo lường các lợi ích cụ thể nhằm mục tiêu bảo đảm sự cân bằng tự do bình đẳng giữa các bên. Nguyên tắc tỉ lệ hay nguyên tắc tương xứng (proportionality) là một học thuyết pháp lí cơ bản được sử dụng khi đánh giá việc hạn chế hay giới hạn quyền có hợp lí hay không. Nó xem xét bốn khía

chính như: tính chính đáng, tính phù hợp, tính cần thiết và tính tối thiểu<sup>59</sup>. Chẳng hạn, khi nhà nước hạn chế quyền tự do ngôn luận thì cần có mục tiêu chính đáng, ví dụ như để bảo vệ trật tự công. Tuy nhiên, trong quan hệ luật tư, các chủ thể có địa vị bình đẳng, do đó không thể yêu cầu hành vi của một bên luôn phải có mục đích chính đáng. Thông thường, khi có sự xung đột giữa các quyền, ví dụ về quyền nhân thân và quyền tự do ngôn luận như nêu trên thì toà sẽ chỉ xem xét cân bằng lợi ích giữa các bên, chính là nguyên tắc tỉ lệ hẹp. Các yếu tố như tính chính đáng, tính cần thiết thường không được áp dụng phổ biến trong mối quan hệ cá nhân<sup>60</sup>. Nhà nước, để hợp lí hoá sự can thiệp của mình, cần có mục đích chính đáng. Tuy nhiên, cá nhân ảnh hưởng đến quyền cơ bản của người khác cũng là chủ thể của quyền với địa vị bình đẳng, không thể yêu cầu hành vi của họ phải có mục đích chính đáng ngay

<sup>57</sup> 杨登杰 (2023), “基本权利私人间效力法理基础的澄清与重构”, 中国法学, 第 2 期 [Dương Đăng Kiệt (2023), “Làm rõ và xây dựng lại cơ sở pháp lí của hiệu lực của quyền cơ bản giữa các cá nhân”, *Luật học Trung Quốc*, số 2], tr. 217 - 218.

Quyền cơ bản có khía cạnh: tự do và xã hội, tương tự cách phân chia phổ biến trong luật nhân quyền. Khía cạnh tự do yêu cầu Nhà nước không can thiệp vào sự thụ hưởng quyền của công dân (nghĩa vụ thụ động). Khía cạnh xã hội yêu cầu Nhà nước không chỉ tôn trọng quyền của công dân, mà còn phải hỗ trợ để công dân có thể thụ hưởng quyền của mình (nghĩa vụ chủ động).

<sup>58</sup> 杨登杰 (2022), *tlđđ*, tr. 294 - 295.

<sup>59</sup> Đây là học thuyết quan trọng trong luật hiến pháp và luật nhân quyền, bảo đảm việc hạn chế quyền con người của Nhà nước là cân bằng và hợp lí. Nó bao gồm 4 yếu tố: 1) Tính chính đáng (legitimacy): biện pháp hạn chế quyền phải có mục đích hợp pháp như bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công,...; 2) Tính phù hợp (adequacy): biện pháp hạn chế phải phù hợp với mục đích đề ra, tức phải có mối liên hệ hợp lí giữa phương tiện và mục đích; 3) Tính cần thiết (necessity): trong các biện pháp có thể áp dụng, phải chọn biện pháp ít xâm phạm quyền nhất; 4) Tính tối thiểu (proportionality stricto sensu): biện pháp không được gây ra tổn hại quá mức so với lợi ích mang lại. Toà án sẽ sử dụng kiểm tra cân bằng (balancing test) để đánh giá mức độ hợp lý của biện pháp hạn chế (xem: Luka Anđelkovic (2017), “The Elements of Proportionality as a Principle of Human Rights Limitations”, *Law and Politics*, số 3(15), tr. 235 - 244).

<sup>60</sup> 杨登杰 (2022), *tlđđ*, tr. 292.

từ ban đầu; nói cách khác, mục đích chính đáng của hành vi tồn tại trong việc tự do thực hiện hành vi và tự do ý chí<sup>61</sup>.

*Thứ ba*, trong mối quan hệ giữa quyền cơ bản trong Hiến pháp và quyền pháp lí trong luật dân sự, có ba khả năng như sau: 1) Quyền cơ bản có nguồn gốc từ quyền dân sự, điển hình là quyền tài sản. Ở đây, khi bản thân quyền tài sản trong luật dân sự đã phát triển một phương pháp giải thích có tính hệ thống và có thể áp dụng thì việc điều chỉnh các quy phạm cụ thể từ góc nhìn quyền cơ bản sẽ khó mang lại lợi ích thực tế; 2) Quyền dân sự có cơ sở là quyền cơ bản như tự do cá nhân, tôn trọng nhân phẩm, bảo vệ nhân quyền... Trong trường hợp này, quyền dân sự có thể được coi là sự cụ thể hoá của quyền cơ bản trong Hiến pháp, là kết quả của các nhà lập pháp thực hiện nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước. Do đó, khi hình thành trật tự luật tư, nhà lập pháp càng thực hiện nghĩa vụ toàn diện bao nhiêu thì động lực để thẩm phán tham khảo các quy định về quyền cơ bản ít bấy nhiêu; 3) Quyền cơ bản chưa được luật hoá thành quyền dân sự như tự do ngôn luận, tự do tôn giáo... Các thẩm phán, khi xem xét những quyền cơ bản này, trước tiên cần xác định luật dân sự đã có nhận định giá trị về vấn đề tương tự hay chưa và trên cơ sở ưu tiên lựa chọn áp dụng giá trị của luật dân sự, sử dụng chức năng bổ sung thay cho thay thế<sup>62</sup>.

Trong thực tiễn tư pháp ở Trung Quốc, hiện tượng toà án sử dụng Hiến pháp trong các phán quyết dân sự luôn tồn tại<sup>63</sup>. Tuy nhiên,

các điều kiện áp dụng Hiến pháp trong các văn bản phán quyết dân sự không có trật tự và có tính tự ý cao, không giải thích bất kì điều kiện nào về việc áp dụng<sup>64</sup>. Trong hơn 30 năm qua, đã có khoảng 40 vụ án ở Trung Quốc viện dẫn Hiến pháp với ba vai trò khác nhau: 1) Hiến pháp là cơ sở cho các bên khởi kiện; 2) Hiến pháp được sử dụng như cơ sở lí luận cho phán quyết của toà án; 3) Hiến pháp được sử dụng trực tiếp làm cơ sở phán quyết. Trong số 40 vụ án này, chủ yếu là các vụ kiện dân sự liên quan đến các quyền nhân thân, quyền tự do ngôn luận, quyền lao động và quyền bình đẳng<sup>65</sup>. Chẳng hạn, trong vụ án Tề Ngọc Linh, toà án cho rằng quyền giáo dục thuộc phạm vi của quyền nhân thân chung, là quyền tự do để công dân phát triển và làm phong phú thêm nhân cách của mình. Toà án cho rằng hành vi (mạo danh) của bị cáo đã xâm phạm quyền giáo dục của nguyên đơn và phải chịu trách nhiệm dân sự tương ứng.

Cũng qua vụ án này, có thể thấy cơ chế bảo vệ quyền hiến định trong luật tư ở Trung Quốc như sau: khi gặp phải lỗ hổng pháp luật, toà án đã yêu cầu sự chỉ đạo từ Toà án

<sup>61</sup> 杨登杰 (2023), tldd, tr. 221.

<sup>62</sup> 奚若晨 (2023), tldd, tr. 88 - 90.

<sup>63</sup> 冯健鹏 (2017), “我国司法判决中的宪法援引及其功能——基于已公开判决文书的实证研

究”, 法学研究, 第 3 期 [Phùng Kiên Bằng (2017), “Viện dẫn Hiến pháp và chức năng của nó trong phán quyết tư pháp ở nước ta - nghiên cứu thực chứng dựa trên các văn bản phán quyết đã công khai”, *Nghiên cứu Luật học*, số 3], tr. 44 - 45.

<sup>64</sup> 李海平, 石晶 (2020), “民事裁判援引宪法的条件任意主义批判——以援引言论自由条款的案件为例”, 政治与法律, 第 8 期 [Lí Hải Bình, Thạch Tinh (2020), “Phê phán chủ nghĩa tùy ý viện dẫn Hiến pháp trong văn kiện phán quyết dân sự - lấy ví dụ các vụ án viện dẫn điều khoản tự do ngôn luận”, *Chính trị và Pháp luật*, số 8], tr. 137.

<sup>65</sup> 张红 (2020), 基本权利与私法, 法律出版社, 北京 [Trương Hồng (2020), *Quyền cơ bản và luật tư*, Nxb. Pháp luật, Bắc Kinh], tr. 6 - 9.

nhân dân tối cao và sau đó Toà án nhân dân tối cao đưa ra “phúc đáp” để “lấp đầy” khoảng trống này. Toà án nhân dân tối cao đã trực tiếp trích dẫn quy định của Hiến pháp để xác định hành vi vi phạm. Nói cách khác, Hiến pháp trở thành tiêu chuẩn để đánh giá tính chất của hành vi của bị đơn.

Năm 2016, Toà án nhân dân tối cao ban hành Quy tắc soạn thảo văn bản phán quyết dân sự của toà án nhân dân, trong đó quy định “*văn bản pháp quyết không được trích dẫn Hiến pháp... làm căn cứ phán quyết*” nhưng nó cũng đồng thời chỉ ra “*những nguyên tắc và tinh thần thể hiện trong đó (Hiến pháp) có thể được giải thích trong phần lập luận*”<sup>66</sup>. Như vậy, ở mức độ nhất định, Toà án nhân dân tối cao cũng thừa nhận các quyền cơ bản/quyền hiến định có thể đóng vai trò nào đó trong quan hệ giữa các cá nhân<sup>67</sup>.

### **Kết luận**

Nhìn từ bối cảnh thế giới, mối quan tâm về hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư xuất hiện cùng với sự phổ biến của tài phán hiến pháp và ảnh hưởng của luật nhân quyền quốc tế, đã thiết lập sự ràng buộc của các quyền và tự do cơ bản của cá nhân đối với lập pháp và tư pháp. Mối đe dọa từ phía xã hội đối với quyền và tự do cá nhân đã thúc đẩy sự thâm nhập của các quyền hiến định vào quan hệ luật tư khi mà luật tư không đủ

để bảo vệ chúng và trở thành xu hướng quốc tế có tính phổ biến.

Ở Trung Quốc, do nghiên cứu luật công bắt đầu khá muộn, lí thuyết về hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư như là sản phẩm “nhập khẩu” từ phương Tây chủ yếu dừng lại ở việc giới thiệu trong giới học thuật. Tuy nhiên, đa số giới học thuật đều ủng hộ và cho rằng mối quan hệ giữa quyền hiến định và luật tư không còn là vấn đề “có hay không”, mà là vấn đề “làm như thế nào” để thực hiện hiệu lực của quyền hiến định trong quan hệ luật tư<sup>68</sup>. Các nghiên cứu mang tính bản địa hoá nhằm gắn lí thuyết với bối cảnh địa phương đã được tiến hành nhưng sẽ vẫn cần thêm những nghiên cứu và thực tiễn tư pháp cụ thể ở Trung Quốc. Các thảo luận và sự tiếp nhận của giới học thuật Trung Quốc về hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư cũng là triển vọng gợi mở đối với Việt Nam trong việc mở rộng nghiên cứu và xây dựng mô hình hiệu lực của quyền hiến định trong các lĩnh vực luật tư ở nước ta<sup>69</sup>./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bùi Tiến Đạt, Đỗ Giang Nam (2024), “Hiệu lực của quyền hiến định trong lĩnh vực luật tư: xu thế nghiên cứu trên thế

<sup>68</sup> 张红 (2020), tldd, tr. 22.

<sup>69</sup> Ở Việt Nam, bắt đầu đã có những nghiên cứu và thực tiễn tư pháp về hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư, ví dụ như: Nguyễn Lê Thu (2024), “Hiệu lực của quyền hiến định trong lĩnh vực lao động ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia: Luật học*, số 3, tr. 48 - 56; Nguyễn Văn Quân, Đỗ Giang Nam, Bùi Tiến Đạt (2024), “Hiến pháp và luật tư: Kinh nghiệm từ một số quốc gia châu Âu và gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lí Việt Nam*, số 2(174), tr. 87 - 100.

<sup>66</sup> 法律应用研究中心 (2016), 最高人民法院民事诉讼文书样式: 制作规范与法律依据, 中国法制出版社, 北京 [Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng pháp luật (2016), *Hình thức văn bản tố tụng dân sự của Toà án nhân dân tối cao: Quy tắc soạn thảo và căn cứ pháp luật*, Nxb. Pháp chế Trung Quốc, Bắc Kinh], tr. 11.

<sup>67</sup> 杨登杰 (2023), tldd, tr. 225.

- giới và triển vọng ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 1(421).
2. 杨登杰 (2022), “基本权利私人间效力: 直接还是间接?”, *中外法学*, 第 2 期 [Duong Đăng Kiệt (2022), “Hiệu lực của quyền cơ bản giữa các cá nhân: trực tiếp hay gián tiếp?”, *Tạp chí Luật học Đại học Bắc Kinh*, số 2].
  3. 杨登杰 (2023), “基本权利私人间效力法理基础的澄清与重构”, *中国法学*, 第 2 期 [Duong Đăng Kiệt (2023), “Làm rõ và xây dựng lại cơ sở pháp lí của hiệu lực của quyền cơ bản giữa các cá nhân”, *Luật học Trung Quốc*, số 2].
  4. 奚若晨 (2023), “基本权利私法效力的界限”, *当代法学*, 第 4 期 [Hè Nhã Thần (2023), “Giới hạn hiệu lực luật tư của quyền cơ bản”, *Luật học đương đại*, số 4].
  5. 奚若晨, 张翔 (2023), “基本权利与私法”在中国”, *人权*, 第 1 期 [Hè Nhã Thần, Trương Tường (2023), *Quyền cơ bản và luật tư ở Trung Quốc*, *Nhân quyền*, số 1].
  6. 黄宇骁 (2018), “论宪法基本权利对第三人无效力”, *清华法学*, 第 3 期 [Hoàng Vũ Kiều (2018), “Bàn về quyền cơ bản của Hiến pháp không có hiệu lực đối với bên thứ ba”, *Luật học Thanh Hoa*, số 3].
  7. 许瑞超 (2017), “德国基本权利第三人效力的整全性解读”, *苏州大学学报·法学版*, 第 1 期 [Hứa Thụy Siêu (2017), “Giải thích toàn diện hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba ở nước Đức”, *Tạp chí Đại học Tô Châu (Luật học)*, số 1].
  8. 许瑞超 (2021), “基本权利第三人效力的范畴与本质”, *交大法学*, 第 1 期 [Hứa Thụy Siêu (2021), “Phạm trù và bản chất của hiệu lực của quyền cơ bản đối với bên thứ ba”, *Luật học Đại học Giao thông Thượng Hải*, số 1].
  9. John Henry Merryman, Rogelio Pérez-Perdomo (2018), *The Civil Law Tradition: An Introduction to the Legal Systems of Europe and Latin America (tái bản lần thứ 4)*, Nxb. Stanford University Press, Hoa Kỳ.
  10. 李海平 (2016), “基本权利间接效力理论批判”, *当代法学*, 第 4 期 [Lí Hải Bình (2016), “Phê phán lí luận hiệu lực gián tiếp của quyền cơ bản”, *Luật học đương đại*, số 4].
  11. 李海平 (2022), “论基本权利私人间效力的范式转型”, *中国法学*, 第 2 期 [Lí Hải Bình (2022), “Bàn luận về sự chuyển đổi phương thức của hiệu lực giữa các cá nhân của quyền cơ bản”, *Luật học Trung Quốc*, số 2].
  12. 李海平, 石晶 (2020), “民事裁判援引宪法的条件任意主义批判——以援引言论自由条款的案件为例”, *政治与法律*, 第 8 期 [Lí Hải Bình, Thạch Tinh (2020), “Phê phán chủ nghĩa tùy ý viện dẫn Hiến pháp trong văn kiện phán quyết dân sự - lấy ví dụ các vụ án viện dẫn điều khoản tự do ngôn luận”, *Chính trị và Pháp luật*, số 8].
  13. 冯健鹏 (2017), “我国司法判决中的宪法援引及其功能——基于已公开判决书的实证研究”, *法学研究*, 第 3 期 [Phùng Kiên Bằng (2017), “Viện dẫn Hiến pháp và chức năng của nó trong phán quyết tư pháp ở nước ta - nghiên cứu thực chứng dựa trên các văn

- bản phán quyết đã công khai”, *Nghiên cứu Luật học*, số 3].
14. 法律应用研究中心 (2016), 最高人民法院民事诉讼文书样式: 制作规范与法律依据, 中国法制出版社, 北京 [Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng pháp luật (2016), *Hình thức văn bản tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân tối cao: Quy tắc soạn thảo và căn cứ pháp luật*, Nxb. Pháp chế Trung Quốc, Bắc Kinh].
  15. 张红 (2020), 基本权利与私法, 法律出版社, 北京 [Trương Hồng (2020), *Quyền cơ bản và luật tư*, Nxb. Pháp luật, Bắc Kinh].
  16. 张翔 (2003), “基本权利在私法上效力的展开——以当代中国为背景”, 中外法学, 第 5 期 [Trương Tường (2003), “Sự mở rộng hiệu lực của quyền cơ bản trong luật tư - lấy bối cảnh Trung Quốc đương đại”, *Luật học Đại học Bắc Kinh*, số 5].
  17. 张翔 (2005), “基本权利的双重性质”, 法学研究, 第 3 期 [Trương Tường (2005), “Tính chất kép của quyền cơ bản”, *Nghiên cứu Luật học*, số 3].
  18. 王锡锌 (2021), “个人信息国家保护义务及展开”, 中国法学, 第 1 期 [Vương Tích Tân (2021), “Nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước với thông tin cá nhân và sự triển khai”, *Luật học Trung Quốc*, số 1].

**PHÁP ĐIỂN HOÁ PHÁP LUẬT DÂN SỰ Ở VIỆT NAM THỜI KÌ THUỘC PHÁP  
(tiếp theo trang 16)**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Bộ luật Dân sự Pháp* (2005), Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
2. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2017), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Ngô Huy Cương (2016), “Sự ảnh hưởng của pháp luật Pháp tới luật tư ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 12.
4. Nguyễn Hồng Hải (2011), “Một số vấn đề về cấu trúc của Bộ luật Dân sự và việc cấu trúc lại Bộ luật Dân sự năm 2005”, *Tọa đàm về sửa đổi Bộ luật Dân sự*, Nhà pháp luật Việt Pháp và Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp phối hợp tổ chức, ngày 12 - 13/5/2011, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Khánh Huyền (2016), *Đặc trưng cơ bản của Bộ Dân luật Bắc Kỳ 1931*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến (1923), *Lược khảo về bộ luật mới ở Bắc Kỳ*, Nhà in Kim Đức Giang, Hà Nội
7. Imprimerie Ngo Tu Ha (1931), *Dân luật thi hành tại các toà Nam án Bắc Kỳ*, Hà Nội.
8. Paul Giran (2019) *Tâm lí dân tộc An Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
9. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật so sánh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2009), *Cổ luật Việt Nam, Quốc triều Hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục.
11. *Một số kinh nghiệm pháp luật của Cộng hoà Pháp liên quan đến cấu trúc Bộ luật Dân sự, tài sản và sở hữu*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1424>